

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:124/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2022.
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Thế – Bà Phan Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng, thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:455/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:183/2022/QĐST- HNGĐ ngày 17/11/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Mai P, sinh ngày 01/11/1988.

Địa chỉ: xóm 9, xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An.(Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang B, sinh ngày 20/9/1986.

Địa chỉ: xóm Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay đang chờ chấp hành hình phạt tù tử hình tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An (Vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai của nguyên đơn, bị đơn và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị Mai P và Anh Nguyễn Quang B tổ chức cưới nhau vào tháng 5/2006. Trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Trước khi cưới Chị P, Anh B đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2006 ngày

18/5/2006. Chị P, Anh B thống nhất sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, trong cuộc sống có nhiều va chạm, xử sự không chuẩn mực đối với nhau làm mất tình cảm vợ chồng. Sau khi Anh B còn vi phạm pháp luật bị xử phạt tử hình đã làm cuộc sống của vợ chồng đảo lộn, Chị P đã mất hết niềm tin đối với Anh B. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân tan rã đổ vỡ Chị P, Anh B đã cắt đứt các mối liên hệ, không còn quan tâm tới nhau nữa. Quá trình viết bản khai Anh B cũng xác định hôn nhân giữa chị P và anh B đã hoàn toàn đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ cũng không thể hàn gắn đoàn tụ, Chị P yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn anh B hoàn toàn nhất trí.

- **Về quan hệ con chung:** Chị P, Anh B có với nhau 01 con chung cháu Nguyễn Thị H (Giới tính: nữ), sinh ngày 07/7/2007. Kể từ ngày Anh B bị bắt tạm giam cho đến nay, con chung được Chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn Chị P, Anh B thống nhất giao con chung cho Chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì con chung có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và Anh B không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung.

- **Về quan hệ tài sản:** Chị Lê Thị Mai P, Anh Nguyễn Quang B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau:

+/Về tố tụng:

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng qui định tại khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại 48, điều 203 của BLTTDS, xác định tư cách tham gia tố tụng theo qui định tại điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ theo qui định Điều 95; Điều 98 của BLTTDS. Lập biên bản theo trình tự qui định BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại Điều 196 và Điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm qui định tại Điều 243; 250; 251; 258; 260 và Điều 262 của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành qui định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72 và điều 234 của BLTTDS.

+/Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mai P được ly hôn Anh Nguyễn Quang B.

-Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị H(Giới tính: nữ), sinh ngày 07/7/2007 cho Chị Lê Thị Mai P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Anh Nguyễn Quang B cho đến lúc có yêu cầu.

-Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

-Về án phí: Buộc Chị Lê Thị Mai P nộp án phí ly hôn hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân qui định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn Chị Lê Thị Mai P, bị đơn Anh Nguyễn Quang B, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết. Do Anh B đang chờ chấp hành hình phạt tù tử hình tại Trại tạm giam công an tỉnh Nghệ An không thể có mặt để tham gia tố tụng, Anh B đã viết bản tự khai, viết đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình mở phiên họp và hòa giải. Do vậy, thẩm phán đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa đối với các đương sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có lý do có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn Anh Nguyễn Quang B.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục kết hôn giữa Chị Lê Thị Mai P và Anh Nguyễn Quang B đúng quy định của pháp luật. Chị P, Anh B tự nguyện xây dựng hôn nhân các bên đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2006 ngày 18/5/2006, nên hôn nhân giữa Chị P và Anh B là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân giữa Chị P, Anh B rã tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói chung hôn nhân. Trong cuộc sống hôn nhân giữa Chị P, Anh B đã có những xử sự không chuẩn mực, thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng mất hết tình cảm hôn nhân có rạn nứt. Kể từ ngày Anh B phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, bị Tòa án tuyên phạt mức án tử hình thì hôn

nhân giữa Chị P, Anh B đã hoàn toàn đổ vỡ, Chị P đã mất hết niềm tin đối với Anh B, Anh B cũng nhận thấy điều này nên đã đồng ý ly hôn Chị P. Nay Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh B là có cơ sở, nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và đình xử cho Chị Lê Thị Mai P được ly hôn Anh Nguyễn Quang B.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được Chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của anh Anh B về vật chất và tinh thần, nhưng Chị P đã nuôi dạy con tốt, con chung phát triển tích cực về mọi mặt. Nay Chị P đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng, phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và nguyện vọng của con chung. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của Chị Lê Thị Mai P.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay Anh B đang chờ thi hành án hình phạt tù tử hình không có điều kiện để đóng tiền cấp dưỡng nuôi con, Chị P không yêu cầu Anh B cấp dưỡng, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Anh Nguyễn Quang B.

- Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị Mai P, Anh Nguyễn Quang B không yêu cầu tòa giải quyết nên miễn xét.

- **Về án phí:** Buộc Chị Lê Thị Mai P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Lê Thị Mai P được ly hôn Anh Nguyễn Quang B.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị H (Giới tính: nữ), sinh ngày 07/7/2007 cho Chị Lê Thị Mai P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Anh Nguyễn Quang B cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Nguyễn Quang B người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc: Chị Lê Thị Mai P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số: 0012147 ngày 05/10/2022, Chị P đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã K(Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc